

<p>que tính?          -Để biết còn lại bao nhiêu que tính ta làm thế nào ?          -Giáo viên viết bảng : <math>12 - 8</math>          b/ <u>Tìm kết quả.</u></p> <p>-Còn lại bao nhiêu que tính ?          -Em làm như thế nào ?</p> <p>-Vậy còn lại mấy que tính ?          - Vậy <math>12 - 8 = ?</math>          Viết bảng : <math>12 - 8 = 4.</math></p> <p>c/ <u>Đặt tính và tính.</u></p> $\begin{array}{r} 12 \\ - 8 \\ \hline 4 \end{array}$ <p>GV hướng dẫn HS đặt tính và hỏi HS cách tính ghi kết quả lên bảng. Viết 12 rồi viết 8 xuống dưới thẳng cột với 2. Viết dấu - kẻ gạch ngang.</p> <p>-Em tính như thế nào ?</p> <p><b>Hoạt động 2:</b> Lập bảng công thức <math>12</math> trừ đi một số .</p> <p>-Ghi bảng.</p>	<p>-1 em nhắc lại bài toán.          -Thực hiện phép trừ <math>12 - 8</math></p> <p>-HS thao tác trên que tính, lấy 12 que tính bớt 8 que ,còn lại 4 que..          -2 em ngồi cạnh nhau thảo luận tìm cách bớt.          -Còn lại 4 que tính.          - Đầu tiên bớt 2 que tính. Sau đó tháo bó que tính và bớt đi 6 que nữa (<math>2 + 6 = 8</math>).          - Vậy còn lại 4 que tính.          - <math>12 - 8 = 4.</math></p> <p>-Tính từ phải sang trái, <math>12</math> trừ <math>8</math> bằng <math>4</math> viết <math>4</math> thẳng cột đơn vị.          -Nhiều em nhắc lại.          -HS thao tác trên que tính tìm kết quả ghi vào bài học.          -Nhiều em nối tiếp nhau nêu kết quả.  <math>12 - 3 = 9</math>  <math>12 - 4 = 8</math>  <math>12 - 5 = 7</math>  <math>12 - 6 = 6</math>  <math>12 - 7 = 5</math></p>
---	---

<p>-Xoá dần bảng công thức 12 trừ đi một số cho HS học thuộc</p> <p><b>Hoạt động 3:</b> Luyện tập .</p> <p><b>Bài 1:</b></p> <p>-2 em lên bảng làm. Lớp làm bảng con</p> <p>-Vì sao <math>3 + 9 = 9 + 3</math> ?</p> <p>-Vì sao <math>9 + 3 = 12</math> có thể ghi ngay <math>12 - 3</math> và <math>12 - 9</math> ?</p> <p>Nhận xét.</p> <p><b>Bài 2 :</b></p> <p>-2 em lên bảng làm. Lớp làm bảng con</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><b>Bài 3 :</b></p> <p>-Bài toán cho biết gì ?</p> <p>-Bài toán yêu cầu tìm gì ?</p> <p style="text-align: center;">Tóm tắt:</p> <p>Vỏ xanh và đỏ : 12 quyển</p> <p style="padding-left: 40px;">Vỏ đỏ : 6 quyển</p> <p style="padding-left: 40px;">Vỏ xanh : ...quyển?</p>	<p><math>12 - 8 = 4</math></p> <p><math>12 - 9 = 3</math></p> <p>-HTL bảng công thức.</p> <p>-2 em lên bảng làm. Lớp làm bảng con</p> <p>a, <math>9 + 3 = 12</math>                      <math>8 + 4 = 12</math></p> <p style="padding-left: 40px;"><math>3 + 9 = 12</math>                      <math>4 + 8 = 12</math></p> <p><math>12 - 9 = 3</math>                              <math>12 - 4 = 8</math></p> <p><math>12 - 3 = 9</math>                              <math>12 - 4 = 8</math></p> <p><math>7 + 5 = 12</math>                              <math>6 + 6 = 12</math></p> <p><math>5 + 7 = 12</math>                              <math>12 - 6 = 6</math></p> <p><math>12 - 7 = 5</math></p> <p><math>12 - 5 = 7</math></p> <p>-Khi đổi chỗ các số hạng thì tổng không đổi.</p> <p>-Vì khi lấy tổng trừ đi số hạng này sẽ được số hạng kia .</p> <p>-Tự làm bài.</p> <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="text-align: center;"><math>\begin{array}{r} 12 \\ - 5 \\ \hline 7 \end{array}</math></td> <td style="text-align: center;"><math>\begin{array}{r} 12 \\ - 6 \\ \hline 6 \end{array}</math></td> <td style="text-align: center;"><math>\begin{array}{r} 12 \\ - 8 \\ \hline 4 \end{array}</math></td> <td style="text-align: center;"><math>\begin{array}{r} 12 \\ - 7 \\ \hline 5 \end{array}</math></td> <td style="text-align: center;"><math>\begin{array}{r} 12 \\ - 4 \\ \hline 8 \end{array}</math></td> </tr> </table> <p>-1 em đọc đề</p> <p>-Có 12 vở trong đó có 6 vở đỏ.</p> <p>-Tìm vở bì xanh.</p> <p style="text-align: center;"><b>Bài giải</b></p> <p>Số vở bì xanh có :</p> <p><math>12 - 6 = 6</math> (quyển vở)</p> <p><b>Đáp số :</b> 6 quyển vở.</p>	$\begin{array}{r} 12 \\ - 5 \\ \hline 7 \end{array}$	$\begin{array}{r} 12 \\ - 6 \\ \hline 6 \end{array}$	$\begin{array}{r} 12 \\ - 8 \\ \hline 4 \end{array}$	$\begin{array}{r} 12 \\ - 7 \\ \hline 5 \end{array}$	$\begin{array}{r} 12 \\ - 4 \\ \hline 8 \end{array}$
$\begin{array}{r} 12 \\ - 5 \\ \hline 7 \end{array}$	$\begin{array}{r} 12 \\ - 6 \\ \hline 6 \end{array}$	$\begin{array}{r} 12 \\ - 8 \\ \hline 4 \end{array}$	$\begin{array}{r} 12 \\ - 7 \\ \hline 5 \end{array}$	$\begin{array}{r} 12 \\ - 4 \\ \hline 8 \end{array}$		

<p>-Nhận xét.  <b>Hoạt động 4:Củng cố :</b>  - YC 2 HS đọc bảng trừ 12 trừ đi một số.  -Nhận xét tiết học.</p>	<p>-2 em HTL.</p>
--	-------------------

## Tiết 53: 32 – 8

### I/ MỤC TIÊU :

- 1.Kiến thức : Giúp học sinh :
  - Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng 32 – 8
  - Biết tìm số hạng của một tổng.
- 2.Kĩ năng : Rèn kĩ năng đặt tính nhanh, giải toán đúng.
- 3.Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

### II/ CHUẨN BỊ :

- 1.Giáo viên : 3 bó 1 chục que tính và 2 que tính rời.
- 2.Học sinh : Sách, vở ghi bài, nháp.

### III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<p><b>Hoạt động 1 : KT bài cũ:</b>  -Gọi 2 HS ĐTL các công thức 12 trừ đi một số và hỏi một vài phép tính trong bảng.  -Nhận xét.  <b>Hoạt động 2 :</b> Phép trừ 32 - 8  a/ <u>Nêu vấn đề:</u>  -<u>Bài toán:</u> Có 32 que tính, bớt đi 8 que tính. Hỏi còn lại bao nhiêu que tính?  -Có bao nhiêu que tính ? bớt đi bao nhiêu que ?</p>	<p>-2 HS lên bảng đọc và trả lời câu hỏi.   -Nghe và phân tích.   -32 que tính, bớt 8 que.</p>

-Để biết còn lại bao nhiêu que tính em phải làm gì ?

-Viết bảng :  $32 - 8$

b / Tìm kết quả .

-Em thực hiện bớt như thế nào ?

-Hướng dẫn cách bớt hợp lý.

-Có bao nhiêu que tính tất cả ?

-Đầu tiên bớt 2 que rời trước.

-Chúng ta còn phải bớt bao nhiêu que nữa ? Vì sao?

-Để bớt được 6 que tính nữa cô tháo 1 bó thành 10 que rời, bớt 6 que còn lại 4 que.

-Vậy 32 que tính bớt 8 que tính còn mấy que tính ?

-Vậy  $32 - 8 = ?$

-Viết bảng :  $32 - 8 = 24$

c / Đặt tính và tính .

$$\begin{array}{r} 32 \\ - 8 \\ \hline 24 \end{array}$$

-HD HS đặt tính và cách làm

Viết 32 rồi viết 8 xuống dưới thẳng cột với 2 (đơn vị). Viết dấu trừ và kẻ gạch ngang.

- Trừ từ đâu sang đâu?

-Nhận xét.

**Hoạt động 3** : luyện tập.

**Bài 1:**

-Gọi 2 em lên bảng làm.Lớp làm bảng con.

-Thực hiện  $32 - 8$

-Thao tác trên que tính. Lấy 32 que tính, bớt 8 que, suy nghĩ và trả lời, còn 24 que tính.

-1 em trả lời.

-Có 32 que tính (3 bó và 2 que rời)

-Đầu tiên bớt 2 que tính rời. Sau đó tháo 1 bó thành 10 que tính rời và bớt tiếp 6 que. Còn lại 2 bó và 4 que rời là 24 que.

-Còn 24 que tính.

$32 - 8 = 24$

-Vài em đọc :  $32 - 8 = 24$ .

-Trừ từ phải sang trái, 2 không trừ được 8, lấy 12 trừ 8 bằng 4, viết 4 nhớ 1, 3 trừ 1 bằng 2, viết 2.

-Nhiều em nhắc lại.

-2 em lên bảng làm.Lớp làm bảng con.

$$\begin{array}{r} 52 \\ - 9 \\ \hline 43 \end{array} \quad \begin{array}{r} 82 \\ - 4 \\ \hline 78 \end{array} \quad \begin{array}{r} 22 \\ - 3 \\ \hline 19 \end{array} \quad \begin{array}{r} 62 \\ - 7 \\ \hline 55 \end{array} \quad \begin{array}{r} 42 \\ - 6 \\ \hline 36 \end{array}$$

- HS nêu

-Nêu cách thực hiện phép tính ?

**Bài 2:**

- Muốn tìm hiệu em làm như thế nào ?
- Gọi 2 em lên bảng làm.Lớp làm bảng vở.

-Nhận xét.

**Bài 3:**- Gọi 1 HS đọc đề

-Cho đi nghĩa là thế nào ?

**Tóm tắt**

Có : 22 nhãn vở.

Cho đi : 9 nhãn vở.

Còn lại :... nhãn vở?

-Gọi 1 em lên bảng làm.

-Nhận xét.

**Bài 4 :** Yêu cầu gì ?

-x là gì trong phép tính ?

-Muốn tìm số hạng chưa biết em làm như thế nào ?

-Nhận xét.

**Hoạt động 4 : Củng cố :**

-Nhắc lại cách đặt tính và tính  $32 - 8$  ?

-Nhận xét tiết học.

-1 em đọc đề

-Lấy số bị trừ trừ đi số trừ.

$$\begin{array}{r} a, \quad 72 \quad b, \quad 42 \\ - \quad 6 \quad \quad - \quad 6 \\ \hline 66 \quad \quad \quad 36 \end{array}$$

-Đọc đề

-Bớt đi.

**Bài giải.**

*Số nhãn vở còn lại :*

$$22 - 9 = 13 \text{ (nhãn vở)}$$

*Đáp số 13 nhãn vở.*

-Tìm x.

-x là số hạng chưa biết trong phép cộng.

-Lấy tổng trừ đi một số hạng .

-Làm vở.

$$a, \quad x + 7 = 42$$

$$x = 42 - 7$$

$$x = 35$$

- HS làm các phép tính còn lại

-1 em nhắc lại.

## TIẾT 54: 58 -28

### I/ MỤC TIÊU :

- 1.Kiến thức : Giúp học sinh :
  - Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng 52 -28.
  - Biết giải bài toán có một phép trừ dạng 52 -28.
- 2.Kĩ năng : Rèn tính nhanh, giải toán đúng.
- 3.Thái độ : Thích học Toán, yêu toán học.

### II/ CHUẨN BỊ :

- 1.Giáo viên : 5bó 1 chục que tính và 2 que rời, bảng gài.
- 2.Học sinh : Sách, vở, bảng con, nháp.

### III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<p><b>Hoạt động 1: KT bài cũ</b> : Ghi : 52 – 7 82 – 9 -Kiểm tra bảng trừ 12 trừ đi một số. -Nhận xét.</p>	-2 em lên bảng tính và nêu cách tính. - Lớp làm bảng con. -1 em HTL.
<p><b>Hoạt động 2:</b> Giới thiệu phép trừ : 52 - 28 <i>A/ Nêu bài toán</i> : Có 52 que tính bớt đi 28 que tính. Hỏi còn lại bao nhiêu que tính ? -Để biết còn lại bao nhiêu que tính ta làm phép tính gì ? -Viết bảng : 52 - 28 <i>B/ Tìm kết quả?</i> -52 que tính bớt đi 28 que tính còn bao nhiêu que ? -Em làm như thế nào ?</p>	-Nghe và phân tích -Phép trừ 52 - 28  -Thao tác trên que tính. -52 que tính bớt đi 28 que còn 24 que.  -1 em nêu : Đầu tiên bớt 2 que tính rời. Lấy bó 1 chục que tính tháo ra bớt tiếp 6 que tính, còn lại 4 que tính rời, 2

-Vậy  $52 - 28 = ?$

-Giáo viên ghi bảng :  $52 - 28 = 24$ .

-Hướng dẫn: Em lấy ra 5 bó chục và 2 que rời.

-Muốn bớt 28 que tính ta bớt 2 que tính rời.

-Còn phải bớt mấy que nữa ?

-Để bớt được 6 que tính ta phải tháo 1 bó thành 10 que rồi bớt thì còn lại 4 que.

-2 bó rời và 4 que là bao nhiêu ?

C/ Đặt tính và tính:

-HDHS đặt tính , hỏi cách tính và viết kết quả lên bảng.

$$\begin{array}{r} 52 \\ - 28 \\ \hline 24 \end{array}$$

-Viết 52 rồi viết 28 xuống thẳng cột với 2 và 5, viết dấu - và kẻ gạch ngang.

-Em nêu cách đặt tính và thực hiện cách tính ?

-GV : Tính từ phải sang trái : 2 không trừ được 8, lấy 12 trừ 8 bằng 4 viết 4, nhớ 1, 2 thêm 1 bằng 3, 5 trừ 3 bằng 2, viết 2.

**Hoạt động 3:** Luyện tập.

**Bài 1:** Yêu cầu HS làm bài vào vở.

-Gọi 2 em lên bảng làm. Lớp làm vở.

Nhận xét.

**Bài 2 :**

- Gọi HS đọc đề bài

-Muốn tìm hiệu ta làm thế nào ?

-Gọi 2 em lên bảng làm. Lớp làm vở.

chục ứng với 2 bó que tính. Bớt tiếp 2 bó que, còn lại 2 bó que và 4 que là 24 que tính.

(hoặc em khác nêu cách khác).

Vậy  $52 - 28 = 24$ .

-Cầm tay và nói : có 52 que tính.

-Bớt 2 que rời.

-Tháo 1 bó và tiếp tục bớt 6 que.

-Bớt 6 que nữa . Vì  $2 + 6 = 8$

-Còn 24 que.

-Là 24 que.

-HS nêu cách tính : 2 không trừ được 8, lấy 12 trừ 8 bằng 4 viết 4, nhớ 1, 2 thêm 1 bằng 3, 5 trừ 3 bằng 2, viết 2.

2 em lên bảng làm. Lớp làm bảng vở.

$$\begin{array}{r} 62 \\ - 19 \\ \hline 43 \end{array} \quad \begin{array}{r} 32 \\ - 16 \\ \hline 16 \end{array} \quad \begin{array}{r} 82 \\ - 37 \\ \hline 45 \end{array} \quad \begin{array}{r} 92 \\ - 23 \\ \hline 69 \end{array} \quad \begin{array}{r} 72 \\ - 28 \\ \hline 44 \end{array}$$

-Đọc đề bài.

- Lấy số bị trừ trừ đi số trừ.

<p>- Nhận xét</p> <p><b><u>Bài 3:</u></b>          Yêu cầu gì ?          -Bài toán cho biết gì ?          -Bài toán hỏi gì ?              <u>Tóm tắt</u></p> <p>Đội 2                   :92 cây          Đội 1 ít hơn đội 2:38 cây          Đội 1                   :... cây?          -Bài toán thuộc dạng gì ?</p> <p>-Nhận xét</p> <p><b><u>Hoạt động 4: Củng cố :</u></b>          -Nêu cách đặt tính và thực hiện : <math>52 - 28</math> ?          -Giáo dục : tính cẩn thận, đọc kĩ đề .          -Nhận xét tiết học.</p>	<p>-2 em lên bảng làm. Lớp làm vở.</p> <p>a, <math display="block">\begin{array}{r} 72 \\ - 27 \\ \hline 45 \end{array}</math>      b, <math display="block">\begin{array}{r} 82 \\ - 38 \\ \hline 44 \end{array}</math></p> <p>-Đọc đề bài.          -Đội 2 : 92 cây, đội 1 ít hơn 38 cây.          -Đội 1 trồng ? cây.</p> <p>-Bài toán về ít hơn.              <u>Bài giải.</u>              Số cây đội 1 trồng là :              <math>92 - 38 = 54</math> (cây)              <u>Đáp số</u> : 54 cây.</p> <p>-1 em nêu.</p>
--	---



## TIẾT 55: LUYỆN TẬP

### I/ MỤC TIÊU :

1. Kiến thức :

- Thuộc bảng 12 trừ đi một số.
- Thực hiện được phép trừ dạng  $52 - 28$ .
- Biết tìm số hạng của một tổng.
- Biết giải bài toán có một phép trừ dạng  $52 - 28$ .

2. Kĩ năng : Rèn kĩ năng đặt tính nhanh, giải toán đúng.

3. Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

### III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p><b>Hoạt động 1</b> :Luyện tập.</p> <p><b>Bài 1</b>: Yêu cầu HS tính nhẩm và ghi kết quả.</p> <p>-Gọi 3 em lên bảng làm . Bảng con.</p> <p>-Nhận xét</p> <p><b>Bài 2</b>: Yêu cầu gì ?</p> <p>-Khi đặt tính phải chú ý gì ?</p> <p>-Thực hiện phép tính như thế nào ?</p> <p>-Gọi 4 em lên bảng làm. Lớp làm vở.</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><b>Bài 3</b>:Tìm một số hạng trong một tổng em làm như thế nào ?</p>	<p>-HS tự làm bài.</p> <p><math>12 - 3 = 9</math>     <math>12 - 5 = 7</math></p> <p><math>12 - 4 = 8</math>     <math>12 - 6 = 6</math></p> <p><math>12 - 7 = 5</math>     <math>12 - 9 = 3</math></p> <p><math>12 - 8 = 4</math>     <math>12 - 10 = 2</math></p> <p>-Đặt tính rồi tính.</p> <p>-Viết số sao cho đơn vị thẳng cột với đơn vị, chục thẳng cột với chục.</p> <p>-Tính từ phải sang trái.</p> <p>a, <math>62 - 27</math>     <math>72 - 15</math></p> $\begin{array}{r} 62 \\ - 27 \\ \hline 35 \end{array}$ <p>b, <math>53 + 19</math>     <math>36 + 36</math></p> <p>-Các phép tính còn lại làm tương tự</p> <p>-Lấy tổng trừ đi số hạng đã biết.</p> <p>-Làm vở.</p> <p>a, <math>x + 18 = 52</math>     b, <math>x + 24 = 62</math></p> <p style="padding-left: 100px;"><math>x = 52 - 18</math>     <math>x = 62 - 24</math></p> <p style="padding-left: 100px;"><math>x = 34</math>             <math>x = 38</math></p>

<p>- Tại sao ở câu a em lấy <math>52 - 18</math>?</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><b>Bài 4:</b> Gọi 1 em đọc đề.</p> <p>- Hỏi và tóm tắt.</p> <p style="padding-left: 40px;"><i>Gà và thỏ : 42 con</i></p> <p style="padding-left: 40px;"><i>Thỏ : 18 con</i></p> <p style="padding-left: 40px;"><i>Gà : ... con?</i></p> <p>Nhận xét.</p> <p><i>Bài 5.</i></p> <p>Gọi 1 em đọc đề.</p> <p>-Yêu cầu HS chọn đáp án đúng</p> <p style="text-align: center;">- Nhận xét</p> <p><b><u>Hoạt động 2 :Củng cố:</u></b></p> <p>-Nhận xét tiết học.</p> <p>-Tuyên dương, nhắc nhở.</p> <p>-</p>	<p>-x bằng <math>52 - 18</math> vì x là số hạng chưa biết trong phép cộng <math>x + 18 = 52</math>. Muốn tìm x ta lấy tổng (52) trừ đi số hạng đã biết (18).</p> <p style="text-align: center;">-1 em đọc đề</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải.</u></p> <p style="text-align: center;"><i>Có số con gà là:</i></p> <p style="text-align: center;"><math>42 - 18 = 24</math> (con)</p> <p style="text-align: center;"><u>Đáp số</u> : 24 con.</p> <p>-1 em đọc đề</p> <p>- HS làm bài</p> <p>1 (D) tam giác.</p> <p>-</p>
--	---

## Tuần 12

### Tiết 56: TÌM SỐ BỊ TRỪ

#### I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Biết tìm  $x$  trong các bài tập dạng:  $x - a = b$  ( với  $a, b$  là các số có không quá 2 chữ số) bằng sử dụng mối quan hệ giữa thành phần và kết quả của phép tính ( Biết cách tìm số bị trừ khi biết hiệu và số trừ).

- Vẽ được đoạn thẳng, xác định điểm là giao của hai đoạn thẳng cắt nhau và đặt tên điểm đó.

2. Kĩ năng : Rèn kĩ năng đặt tính nhanh, giải toán đúng.

3. Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

#### II. Chuẩn bị:

- Các hình vẽ như sgk.

#### III. Các hoạt động:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p><b>A. Khởi động</b></p> <p><b>B. Bài cũ</b></p> <p>- Gọi HS lên bảng làm:</p> <p>- Đặt tính rồi tính:</p> $62 - 27 \quad 32 - 8 \quad 36 + 36$ <p>- GV nhận xét, đánh giá.</p> <p><b>C. Bài mới</b></p> <p><u>1. Giới thiệu:</u></p> <p>- GV viết lên bảng phép trừ <math>10 - 6 = 4</math>. Yêu cầu HS gọi tên các thành phần trong phép tính trừ sau đó ghi tên lên bảng.</p> <p><u>2. Tìm số bị trừ</u></p> <p>@ <b>Bước 1:</b> Thao tác với đồ dùng trực quan</p> <p>Bài toán 1:</p> <p>- Có 10 ô vuông (đưa ra mảnh giấy có 10 ô vuông). Bớt đi 4 ô vuông (dùng kéo cắt ra 4 ô vuông). Hỏi còn bao nhiêu ô vuông?</p> <p>- Làm thế nào để biết còn lại 6 ô vuông?</p> <p>- Hãy nêu tên các thành phần và kết quả trong phép tính: <math>10 - 4 = 6</math> (HS nêu, GV gắn nhanh thẻ ghi tên gọi)</p>	<p>- Hát</p> <p>- HS thực hiện trên bảng</p> <p>- Lớp làm nháp.</p> <p>- Bạn nhận xét</p> <p>- HS nghe quan sát và phân tích đề toán</p> <p>- Còn lại 6 ô vuông</p> <p>- Thực hiện phép tính</p> $10 - 4 = 6$ $\begin{array}{r} 10 \\ - 4 \\ \hline 6 \end{array}$ <p>Số bị trừ      Số trừ      Hiệu</p>

### Bài toán 2:

- Có một mảnh giấy được cắt làm hai phần. Phần thứ nhất có 6 ô vuông. Phần thứ hai có 4 ô vuông. Hỏi lúc đầu tờ giấy có bao nhiêu ô vuông?

- Làm thế nào ra 10 ô vuông?

- Vậy 10 bằng 6 cộng 4. ( viết bảng)

#### **Bước 2:** Giới thiệu kỹ thuật tính

- Gọi số ô vuông ban đầu chưa biết là  $x$ . Số ô vuông bớt đi là 4. Số ô vuông còn lại là 6. Hãy đọc cho cô phép tính tương ứng để tìm số ô vuông còn lại.

- Để tìm số ô vuông ban đầu chúng ta làm gì ? Khi HS trả lời, GV ghi lên bảng  $x = 6 + 4$ .

- Số ô vuông ban đầu là bao nhiêu?

- GV vừa viết vừa lưu ý hs cách ghi.

$$x - 4 = 6$$

$$x = 6 + 4$$

$$x = 10$$

- Yêu cầu HS đọc lại phần tìm  $x$  trên bảng

-  $x$  gọi là gì trong phép tính  $x - 4 = 6$ ?

- 6 gọi là gì trong phép tính  $x - 4 = 6$ ?

- 4 gọi là gì trong phép tính  $x - 4 = 6$ ?

- Vậy muốn tìm số bị trừ ta làm thế nào?

- Yêu cầu HS nhắc lại GV ghi bảng.

### **3: Luyện tập – Thực hành**

#### **Bài 1:**

- Yêu cầu HS tự làm bài vào vở. 3 HS lên bảng làm bài.

- Gọi HS nhận xét bài bạn. Ví dụ

a) Tại sao  $x = 8 + 4$  ?

b) Tại sao  $x = 18 + 9$  ?

- Nhận xét – nêu cách làm

#### **Bài 2:**

- Lúc đầu tờ giấy có 10 ô vuông.

- Thực hiện phép tính  
 $6 + 4 = 10$

- HS nêu :  $x - 4 = 6$

- Là 10

- HS theo dõi trên bảng

- HS đọc

- Là số bị trừ

- Là hiệu

- Là số trừ

- Lấy hiệu cộng với số trừ

- Nhắc lại qui tắc

- Làm bài tập

- HS lần lượt trả lời:

+ Vì  $x$  là số bị trừ trong phép trừ

$x - 4 = 8$ , 8 là hiệu, 4 là số trừ. Muốn tính số bị trừ ta lấy hiệu cộng số trừ (2 HS còn lại trả lời tương tự)

- HS tự làm bài. 2 HS

<ul style="list-style-type: none"><li>- Cho HS nhắc lại cách tìm hiệu, tìm số bị trừ trong phép trừ sau đó yêu cầu các em tự làm bài.</li><li>- Gọi hs lên bảng làm bài.</li><li>- Nhận xét, sửa chữa.</li></ul> <p><b><u>Bài 3:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Yêu cầu HS tự vẽ, tự ghi tên điểm.</li><li>- HD những hs còn lúng túng</li><li>- Gọi hs lên bảng làm</li><li>- Nhận xét , đánh giá.</li></ul> <p><b><u>4. Củng cố – Dặn dò.</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Hỏi hs nội dung bài học.</li><li>- Nhận xét tiết học.</li><li>- Chuẩn bị: 13 – 5</li></ul>	<p>ngồi cạnh nhau đối chéo vở để kiểm tra bài của nhau.</p> <p>- HS tự làm bài.</p> <p>- HS nêu</p>
---	---

## Tiết 57 : 13 TRỪ ĐI MỘT SỐ: 13 - 5

### I. Mục tiêu:

#### 1. Kiến thức:

- Biết cách thực hiện phép trừ dạng  $13 - 5$ , lập được bảng 13 trừ đi một số.
- Biết giải bài toán có một phép trừ dạng  $13 - 5$ .

2. Kĩ năng : Rèn kĩ năng đặt tính nhanh, giải toán đúng.

3. Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

### II. Chuẩn bị

- GV: Que tính. Bảng phụ

### III. Các hoạt động

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p><b>A. Khởi động</b></p> <p><b>B. Bài cũ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Gọi hs lên bảng làm , lớp làm nháp. Tìm x: <math>x - 14 = 62</math>;    <math>x - 13 = 30</math></li><li>- Nhận xét HS.</li></ul> <p><b>C. Bài mới</b></p> <p><b>1. Giới thiệu:</b></p> <p>Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ học các phép tính trừ có dạng 13 trừ đi một số. Ví dụ: <math>13 - 5</math>.</p> <p><b>2. Phép trừ <math>13 - 5</math></b></p> <p><b>Bước 1: Nêu bài toán</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Đưa ra bài toán: Có 13 que tính(cầm que tính), bớt đi 5 que tính. Hỏi còn lại bao nhiêu que tính?</li><li>- Yêu cầu HS nhắc lại bài. (Có thể đặt từng câu hỏi gợi ý: Có bao nhiêu que tính? Cô muốn bớt đi bao nhiêu que?)</li><li>- Để biết còn lại bao nhiêu que tính ta phải làm gì?</li><li>- Viết lên bảng: <math>13 - 5</math></li></ul> <p><b>Bước 2: Tìm kết quả</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Yêu cầu HS lấy 13 que tính và tìm cách bớt 5 que tính, sau đó yêu cầu trả lời xem còn lại bao nhiêu que tính.</li><li>- Yêu cầu HS nêu cách bớt của mình. Hướng</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Hát</li> <li>- HS thực hiện theo yêu cầu của GV</li>         <li>- Nghe và phân tích đề.</li>  <li>- Có 13 que tính, bớt đi 5 que tính. Hỏi còn bao nhiêu que tính?</li>  <li>- Thực hiện phép trừ <math>13 - 5</math>.</li>  <li>- Thao tác trên que tính. Trả lời: Còn 8 que tính.</li>  <li>- HS trả lời</li></ul>

dẫn lại cho HS cách bớt hợp lý nhất.

- Có bao nhiêu que tính tất cả?

- Đầu tiên bớt 3 que tính rồi trước. Chúng ta còn phải bớt bao nhiêu que tính nữa?

- Để bớt được 2 que tính nữa cô tháo 1 bó thành 10 que rời. Bớt 2 que còn lại 8 que.

- Vậy 13 que tính bớt 5 que tính còn mấy que tính?

- Vậy 13 trừ 5 bằng mấy?

- Viết lên bảng  $13 - 5 = 8$

### **Bước 3: Đặt tính và thực hiện phép tính**

- Yêu cầu 1 HS lên bảng đặt tính sau đó nêu lại cách làm của mình.

- Yêu cầu nhiều HS nhắc lại cách trừ.

### **3: Bảng công thức 13 trừ đi một số**

- Yêu cầu HS sử dụng que tính để tìm kết quả các phép trừ trong phần bài học và viết lên bảng các công thức 13 trừ đi một số như phần bài học

- Yêu cầu HS thông báo kết quả. Khi HS thông báo thì ghi lại lên bảng.

- Yêu cầu cả lớp đọc đồng thanh bảng các công thức sau đó che dần các phép tính cho HS học thuộc

### **4: Luyện tập – thực hành**

#### **Bài 1a:**

- Yêu cầu HS tự nhắm và ghi ngay kết quả các phép tính phần a vào vở.

- Yêu cầu HS nhận xét bài bạn sau đó đưa ra kết luận về kết quả nhắm.

- Khi biết  $4 + 9 = 13$  có cần tính  $9 + 4$  không? Vì sao?

- Khi đã biết  $9 + 4 = 13$  có thể ghi ngay kết quả của  $13 - 9$  và  $13 - 4$  không? Vì sao?

- Có 13 que tính (có 1 bó que tính và 3 que tính rời).

- Bớt 2 que nữa.

- Còn 8 que tính.

- 13 trừ 5 bằng 8.

13 - Viết 13 rồi viết 5 xuống dưới  
5 thẳng cột với 3. Viết dấu trừ

8 Và kẻ vạch ngang.

- Trừ từ phải sang trái. 3 không trừ được 5, lấy 13 trừ 5 bằng 8, viết 8, nhớ 1. 1 trừ 1 bằng 0.

- Thao tác trên que tính, tìm kết quả và ghi kết quả tìm được vào bài học.

- Nối tiếp nhau (theo bàn hoặc tổ, thông báo kết quả của phép tính. Mỗi HS chỉ nêu 1 phép tính.

- HS thuộc bảng công thức.

- HS làm bài: 3 HS lên bảng, mỗi HS làm 1 cột tính.

- Nhận xét bài bạn làm Đ/S. Tự kiểm tra bài mình.

- HS nêu ý kiến.

<p><b><u>Bài 2:</u></b></p> <p>- Yêu cầu HS nêu đề bài. Tự làm bài sau đó nêu lại cách thực hiện tính <math>13 - 9</math>; <math>13 - 4</math>...</p> <p>- Nhận xét</p> <p><b><u>Bài 3:</u></b></p> <p>- Yêu cầu HS đọc đề bài. Tự tóm tắt</p> <p>- Bán đi nghĩa là thế nào?</p> <p>- Yêu cầu HS tự giải bài tập vào vở và trên bảng lớp.</p> <p>- Nhận xét</p> <p><b><u>4. Củng cố – Dẫn dò</u></b></p> <p>- Yêu cầu HS học thuộc lòng bảng công thức <math>13</math> trừ đi một số. Ghi nhớ cách thực hiện phép trừ <math>13</math> trừ đi một số.</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p>	<p>- Đọc đề bài.</p> <p>- Ta lấy số bị trừ trừ đi số trừ</p> <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="text-align: center;">13</td> <td style="text-align: center;">13</td> <td style="text-align: center;">13</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><u>6</u></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">7</td> <td style="text-align: center;">4</td> <td style="text-align: center;">6</td> </tr> </table> <p>- HS đọc đề bài</p> <p>- Bán đi nghĩa là bớt đi.</p> <p>- Giải bài tập và trình bày lời giải.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p style="text-align: center;">Cửa hàng còn lại số xe đạp là:</p> <p style="text-align: center;"><math>13 - 6 = 7</math> ( xe đạp)</p> <p style="text-align: center;">Đáp số : 7 xe đạp</p> <p>-2 hs đọc</p>	13	13	13	<u>6</u>			7	4	6
13	13	13								
<u>6</u>										
7	4	6								

## **Tiết 58 : 33 - 5**

### **I.Mục tiêu**

#### **1. Kiến thức:**

- Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng  $33 - 5$ .
- Biết tìm số hạng chưa biết của một tổng (đưa về phép trừ dạng  $33 - 5$ )



2. Kỹ năng: HS thực hiện tính trừ có nhớ trong phạm vi 100 tốt

3. Thái độ: HS yêu thích môn học

## II. Chuẩn bị

- GV: Que tính, bảng ghi.

## III. Các hoạt động

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p><b>A. Khởi động.</b></p> <p><b>B. Bài cũ.</b></p> <p>- Yêu cầu HS lên bảng đọc thuộc lòng bảng các công thức 13 trừ đi một số.</p> <p>- Nhận xét HS.</p> <p><b>C. Bài mới</b></p> <p><b><u>1: Giới thiệu:</u></b></p> <p>- Tiết học hôm nay chúng ta học bài 33 -5.</p> <p><b><u>2. Phép trừ 33 - 5</u></b></p> <p><b>Bước 1:</b> Nêu vấn đề:</p> <p>- Có 33 que tính, bớt đi 5 que tính. Hỏi còn lại bao nhiêu que tính?</p> <p>- Muốn biết còn bao nhiêu que tính ta phải làm gì?</p> <p>- Viết lên bảng <math>33 - 5</math></p> <p><b>Bước 2:</b> Đi tìm kết quả.</p> <p>- Yêu cầu HS lấy 3 bó 1 chục que tính và 3 que tính rời, tìm cách để bớt 5 que rồi báo lại kết quả.</p> <p>- 33 que tính, bớt đi 5 que tính, còn lại bao nhiêu que tính?</p> <p>- Vậy <math>33 - 5</math> bằng bao nhiêu?</p> <p>- Viết lên bảng <math>33 - 5 = 28</math></p> <p>* GV có thể hướng dẫn bước này một cách tỉ mỉ cùng với các que tính trên bảng gài như sau:</p> <p>- Từ 3 bó 1 chục và 3 que tính rời (GV cầm tay). Muốn bớt 5 que tính, ta bớt luôn 3 que tính rời. Để bớt 2 que nữa ta tháo rời 1 bó 10 que rồi bớt, còn lại 8 que tính rời...</p>	<p>- Hát</p> <p>- HS đọc. Bạn nhận xét.</p> <p>- Nghe. Nhắc lại bài toán và tự phân tích bài toán. Thực hiện phép trừ <math>33 - 5</math>.</p> <p>- Thao tác trên que tính. (HS có thể làm theo nhiều cách khác nhau. Cách có thể giống hoặc không giống cách bài học đưa ra, đều được)</p> <p>- 33 que, bớt đi 5 que, còn lại 28 que tính</p> <p>- <math>33 - 5 = 28</math></p> <p>- HS quan sát và lắng nghe</p> <p>- HS lên bảng thực hiện:</p>

**Bước 3:** Đặt tính và thực hiện phép tính

- Yêu cầu 1 HS lên bảng đặt tính. Nếu HS đặt tính và tính đúng thì yêu cầu nêu rõ cách đặt tính và cho một vài HS nhắc lại. Nếu chưa đúng, gọi HS khác thực hiện hoặc hướng dẫn trực tiếp bằng các câu hỏi gợi ý.
- Nhắc lại hoàn chỉnh cách tính.

**3. Luyện tập – thực hành**

**Bài 1:** Yêu cầu HS đọc đề bài

- Yêu cầu HS tự làm vào vở và trên bảng lớp, sau đó nêu cách tính của một số phép tính.

- Nhận xét.

**Bài 2 a**

- Gọi 1 HS đọc yêu cầu của bài.
- Muốn tìm hiệu ta làm thế nào?

- Yêu cầu HS làm bài vào vở. Gọi HS lên bảng làm.

- Yêu cầu HS lên bảng nêu rõ cách đặt tính và thực hiện phép tính.

- Nhận xét.

**Bài 3**

- Yêu cầu HS đọc đề bài.

- Viết 33 rồi viết 5 xuống dưới thẳng cột với 3. Viết dấu - và vạch kẻ ngang.

- Tính từ phải sang trái.
- 3 không trừ được 5 lấy 13 trừ 5 bằng 8, viết 8 nhớ 1.
- 3 trừ 1 bằng 2, viết 2.
- HS làm bài- Chữa bài.
- Nêu cách tính cụ thể của một vài phép tính.

- HS nêu
- HS tự làm bài
- Lấy số bị trừ trừ đi số trừ.  
43  
  5  
38

- Đọc đề bài.
- Trả lời: là số hạng trong phép cộng. - Muốn tìm số hạng chưa biết trong phép cộng ta lấy tổng trừ đi số hạng đã biết.
- Làm bài. 2 HS lên bảng làm bài.
- HS thực hiện
- HS khác nhận xét.

- HS nêu.

<p>- Hỏi: Trong ý a, b số phải tìm (x) là gì trong phép cộng ? Nêu cách tìm thành phần đó.</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài vào vở và trên bảng lớp.</p> <p>- Nhận xét,</p> <p><b>4. Củng cố – Dặn dò.</b></p> <p>- Yêu cầu HS nêu lại cách đặt tính và thực hiện phép tính <math>33 - 5</math></p> <p>- Nhận xét tiết học. Biểu dương các em học tốt, có tiến bộ. Nhắc nhở các em chưa chú ý, chưa cố gắng trong học tập.</p>	<p>- HS thực hiện</p>
---	-----------------------

## Tiết 59 : 53 - 15

### I. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức:

- Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng  $53 - 15$ .
- Biết tìm số bị trừ, dạng  $x - 18 = 9$ .

#### 2. Kỹ năng:

- Biết vẽ hình vuông theo mẫu ( vẽ trên giấy ô li)

#### 3. Thái độ : HS hứng thú học tập

## II. Chuẩn bị

- GV: Que tính. Bộ thực hành Toán. Bảng phụ

## III. Các hoạt động

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p><b>A. Khởi động.</b></p> <p><b>B. Bài cũ :</b> 33 - 5</p> <p>- Gọi 2 HS lên bảng, lớp làm nháp. + Đặt tính rồi tính: <math>73 - 6</math> ; <math>43 - 5</math>. Nêu cách đặt tính và thực hiện phép tính -Nhận xét HS.</p> <p><b>C. Bài mới</b></p> <p><b><u>1. Giới thiệu:</u></b></p> <p>- Trong tiết học hôm nay, chúng ta cùng nhau học về cách thực hiện phép tính trừ <math>53 - 15</math> và giải các bài toán có liên quan.</p> <p><b><u>2. Phép trừ <math>53 - 15</math>.</u></b></p> <p><b>Bước 1:</b> Nêu vấn đề:</p> <p>- Đưa ra bài toán: Có 53 que tính, bớt 15 que tính. Hỏi còn lại bao nhiêu que tính? - Muốn biết còn bao nhiêu que tính ta phải làm gì?</p> <p><b>Bước 2:</b> Đi tìm kết quả.</p> <p>- Yêu cầu HS lấy 5 bó que tính và 3 que tính rời.</p> <p>- Yêu cầu 2 em ngồi cạnh nhau cùng thảo luận để tìm cách bớt 15 que tính và nêu kết quả.</p> <p>- Yêu cầu HS nêu cách làm.</p> <p>- GV có thể hướng dẫn cả lớp tìm kết quả như sau:</p> <p>- Chúng ta phải bớt bao nhiêu que tính? - 15 que tính gồm mấy chục và mấy que tính? - Vậy để bớt được 15 que tính trước hết chúng ta bớt 5 que tính. Để bớt 5 que tính, ta bớt 3 que tính rời trước, sau đó tháo 1 bó qua tính và bớt tiếp 2 que. Ta còn 8 que tính rời.</p> <p>- Tiếp theo bớt 1 chục que nữa. 1 chục là 1 bó, ta bớt đi 1 bó que tính. Như vậy còn 3 bó que tính và 8 que rời là 38 que tính.</p>	<p>- Hát</p> <p>- HS thực hiện. Bạn nhận xét.</p> <p>- Thực hiện phép trừ <math>53 - 15 = ?</math></p> <p>- Lấy que tính và nói: Có 53 que tính.</p> <p>- Thao tác trên que tính và trả lời, còn 38 que tính. -HS nêu cách làm.</p> <p>- Nêu cách bớt, 15 que tính. - Gồm 1 chục và 5 que tính rời.</p>

<p>- 53 que tính bớt 15 que tính còn lại bao nhiêu que tính?</p> <p>- Vậy 53 trừ 15 bằng bao nhiêu?</p> <p>- GV ghi kết quả vào phép tính.</p> <p><b>Bước 3:</b> Đặt tính và thực hiện phép tính</p> <p>- Gọi 1 HS lên bảng đặt tính và thực hiện tính.</p> <p>- Hỏi: Em đã đặt tính như thế nào?</p> <p>- Hỏi tiếp: Em thực hiện tính như thế nào?</p> <p>- Yêu cầu một số HS nhắc lại cách đặt tính và thực hiện phép tính.</p> <p><b><u>3. Luyện tập – thực hành.</u></b></p> <p><b><u>Bài 1 dòng 1 :</u></b></p> <p>- Yêu cầu HS tự làm vào vở. Gọi HS lên bảng làm bài.</p> <p>- Yêu cầu HS nhận xét bài bạn.</p> <p>- Yêu cầu nêu cách tính của một số phép tính.</p> <p>- Nhận xét</p> <p><b><u>Bài 2:</u></b></p> <p>- Gọi 1 HS đọc yêu cầu của bài.</p> <p>- Hỏi: Muốn tính hiệu khi biết số bị trừ và số trừ ta làm thế nào?</p> <p>- Yêu cầu HS tự làm bài. Gọi 3 HS lên bảng.</p> <p>- Yêu cầu 3 HS lên bảng lần lượt nêu cách đặt tính và thực hiện từng phép tính.</p>	<p>- Còn lại 38 que tính.</p> <p>- 53 trừ 15 bằng 38.</p> $\begin{array}{r} 53 \\ -15 \\ \hline 38 \end{array}$ <p>- Viết 53 rồi viết 15 dưới 53 sao cho 5 thẳng hàng với 3, 1 thẳng hàng với 5 chục. Viết dấu trừ và kẻ vạch ngang.</p> <p>- 3 không trừ được 5, lấy 13 trừ 5 bằng 8, viết 8 nhớ 1. 1 thêm 1 bằng 2, 5 trừ 2 bằng 3, viết 3.</p> <p>- HS làm bài.</p> <p>- HS nhận xét bài bạn. Hai HS ngồi cạnh đối chéo vở để kiểm tra bài lẫn nhau.</p> <p>- HS lên bảng lần lượt trả lời.</p> <p>- Đọc yêu cầu.</p> <p>- Lấy số bị trừ, trừ đi số trừ.</p> <p>- HS làm bài. Cả lớp nhận xét bài các bạn trên bảng.</p> $\begin{array}{r} 63 \quad 83 \quad 53 \\ -24 \quad -39 \quad -17 \\ \hline 39 \quad 44 \quad 36 \end{array}$
--	---

<p>- Nhận xét</p> <p><b>Bài 3</b></p> <p>- Yêu cầu HS nhắc lại cách tìm số bị trừ chưa biết trong một hiệu; sau đó cho HS làm bài.</p> <p>- Kết luận về kết quả của bài.</p> <p><b>Bài 4:</b></p> <p>- Vẽ mẫu lên bảng và hỏi: Mẫu vẽ hình gì?</p> <p>- Muốn vẽ hình vuông ta phải nối mấy điểm với nhau?</p> <p>- Yêu cầu HS tự vẽ hình?</p> <p>- Gọi hs lên bảng vẽ</p> <p>- Nhận xét, sửa chữa.</p> <p><b>4. Củng cố – Dặn dò.</b></p> <p>- Yêu cầu HS nhắc lại cách đặt tính và thực hiện phép tính <math>53 - 15</math>.</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p>	<p>- Nhắc lại qui tắc và làm bài.</p> $X - 18 = 9$ $X = 18 - 9$ $X = 9$ <p>- Các phép tính còn lại làm tương tự</p> <p>-Hình vuông.</p> <p>- Nối 4 điểm với nhau.</p> <p>- Vẽ hình. 2 HS ngồi cạnh nhau đối chéo vở để kiểm tra lẫn nhau.</p> <p>- HS lên bảng vẽ</p>
---	---

## Tiết 60: LUYỆN TẬP

### I. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức:

- Thuộc bảng 13 trừ đi một số.
- Thực hiện được phép trừ dạng  $33 - 5$  ;  $53 - 15$ .

#### 2. Kỹ năng:

- Biết giải bài toán có một phép trừ dạng  $53 - 15$ .

#### 3. Thái độ: HS tư duy tốt

### II. Các hoạt động

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<b>A. Khởi động</b>	- Hát
<b>B. Bài cũ: 53 - 15</b>	
- Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số	- HS thực hiện, bạn nhận xét.

trừ lần lượt là:

63 và 24      83 và 39      53 và 17

- GV nhận xét.

### **C. Bài mới**

#### **1. Giới thiệu:**

- GV giới thiệu ngắn gọn rồi ghi tên lên bảng.

#### **2. Thực hành, luyện tập.**

##### **Bài 1:**

- Yêu cầu HS tự nhắm và ghi kết quả vào phép tính trong vở.

- Gọi hs nêu kết quả nối tiếp nhau – gv ghi bảng

- Nhận xét. Sửa chữa.

##### **Bài 2:**

- Gọi HS nêu yêu cầu của bài.

- Hỏi: Khi đặt tính phải chú ý đến điều gì?

- Yêu cầu 3 HS lên bảng làm bài, mỗi HS làm 2 con tính. Cả lớp làm bài vào Vở.

- Yêu cầu HS làm rõ cách đặt tính và thực hiện các phép tính sau:  $73 - 29$ ;  $63 - 35$ ;  $83 - 27$ ;

$93 - 46$ .

- Nhận xét

##### **Bài 3:**

- Gọi HS đọc đề bài.

- Hỏi: Phát cho nghĩa là thế nào?

- Yêu cầu HS trình bày bài giải vào Vở rồi gọi 1 HS lên chữa bài trên bảng.

- HS làm bài sau đó nối tiếp nhau (theo bàn hoặc theo tổ) đọc kết quả từng phép tính.

- Đặt tính rồi tính.

- Phải chú ý sao cho đơn vị viết thẳng cột với đơn vị, chục thẳng cột với chục.

- Làm bài cá nhân. Sau đó nhận xét bài bạn trên bảng về đặt tính, thực hiện tính

- 3 HS lần lượt trả lời. Lớp nhận xét.

- Đọc đề bài.

- Phát nghĩa là bớt đi, lấy đi.

- HS tự làm bài vào vở và bảng lớp.

#### **Bài giải**

Số quyển vở còn lại là:

$$63 - 48 = 15 \text{ (quyển)}$$

Đáp số: 15 quyển.

<p>- Nhận xét</p> <p><b><u>3. Củng cố – Dẫn dò</u></b></p> <p>- Nhắc lại nội dung bài</p> <p>- Nhận xét chung giờ học</p> <p>- Chuẩn bị: 14 trừ đi một số: 14 – 8</p>	.
---	---

## TUẦN 13

### Tiết 61: **14 Trừ đi một số : 14 - 8**

#### I/ MỤC TIÊU :

- Kiến thức :Giúp học sinh :
  - Biết cách thực hiện phép trừ dạng  $14 - 8$ , lập được bảng 14 trừ đi một số.
  - Biết giải bài toán có một phép trừ dạng  $14 - 8$ .
  - Biết vận dụng bảng trừ đã học để làm tính và giải bài toán..
- Kĩ năng : Rèn làm tính nhanh, giải toán đúng chính xác.
- Thái độ : Phát triển tư duy toán học cho học sinh.

#### II/ CHUẨN BỊ :

- Giáo viên : 1 bó1 chục que tính và 4 que rời.
- Học sinh : Mỗi em 1 bó1 chục que tính và 4 que rời.Sách, vở , bảng con, nháp.

#### III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<u>Hoạt động 1</u> : Giới thiệu phép trừ $14 - 8$	-Nghe và phân tích đề toán.



<p>a/ <u>Nêu vấn đề</u> : Có 14 que tính, bớt đi 8 que tính. Hỏi còn lại bao nhiêu que tính?</p> <p>-Để biết còn lại bao nhiêu que tính ta làm thế nào ?</p> <p>-Giáo viên viết bảng : <math>14 - 8</math>.</p> <p>b/ <u>Tìm kết quả</u>.</p> <p>-Còn lại bao nhiêu que tính ?</p> <p>-Em làm như thế nào ?</p> <p>-Vậy còn lại mấy que tính ?</p> <p>- Vậy <math>14 - 8 = ?</math> Viết bảng : <math>14 - 8 = 6</math></p> <p>c/ <u>Đặt tính và tính</u>.</p> $\begin{array}{r} 14 \\ - 8 \\ \hline 6 \end{array}$ <p>Viết 14 rồi viết 8 xuống dưới thẳng cột với 4. Viết dấu - kẻ gạch ngang.</p> <p>-Trừ từ phải sang trái, 4 không trừ được 8, lấy 14 trừ 8 bằng 6, viết 6 nhớ 1, 1 trừ 1 bằng 0.</p> <p><u>Hoạt động 2</u>: Bảng công thức 14 trừ đi một số .</p> <p>-Ghi bảng.</p> <p>-Xoá dần công thức 14 trừ đi một số cho học sinh HTL</p> <p>-Gọi nhiều em nối tiếp nhau nêu kết quả.</p> <p><u>Hoạt động 3</u>: Luyện tập .</p> <p><u>Bài 1</u>: YC HS nhẩm và viết kết quả vào sau dấu bằng.</p> <p>-Khi biết <math>9 + 5 = 14</math> có thể ghi ngay kết quả</p>	<p>-1 em nhắc lại bài toán.</p> <p>-Thực hiện phép trừ <math>14 - 8</math></p> <p>-HS thao tác trên que tính, lấy 14 que tính bớt 8 que, còn lại 6 que..</p> <p>-Còn lại 6 que tính.</p> <p>-Đầu tiên bớt 4 que tính. Sau đó tháo bó que tính và bớt đi 4 que nữa (<math>4 + 4 = 8</math>).</p> <p>-Vậy còn lại 6 que tính.</p> <p>* <math>14 - 8 = 6</math>.</p> <p>-Nhiều em nhắc lại.</p> <p>-HS thao tác trên que tính tìm kết quả ghi vào bài học.</p> <p><math>14 - 5 = 9</math></p> <p><math>14 - 6 = 8</math></p> <p><math>14 - 7 = 7</math></p> <p><math>14 - 8 = 6</math></p> <p><math>14 - 9 = 5</math></p> <p>-Nhiều em nối tiếp nhau nêu kết quả.</p> <p>-HTL bảng công thức.</p> <p>a) <math>9 + 5 = 14</math>                      <math>8 + 6 = 14</math></p> <p>     <math>5 + 9 = 14</math>                      <math>6 + 8 = 14</math></p> <p>     <math>14 - 9 = 5</math>                        <math>14 - 8 = 6</math></p> <p>     <math>14 - 5 = 9</math>                        <math>14 - 6 = 8</math></p>
--	--

14 – 9 và 14 – 5 không, vì sao ?

-So sánh 4 + 2 và 6 ?

-So sánh 14 – 4 – 2 và 14 – 6.

-Kết luận : Vì 4 + 2 = 6 nên 14 – 4 – 2 = 14 – 6 (khi trừ liên tiếp các số hạng cũng bằng trừ đi tổng)

-Nhận xét.

Bài 2: Yc HS tự làm bài

-Nhận xét

Bài 3:

-Muốn tìm hiệu khi biết số bị trừ, số trừ ?

-Gọi 2 bảng. Lớp làm bài.

-Nhận xét.

Bài 4 :

-Gọi 1 em đọc đề

GV hỏi kết hợp tóm tắt bảng :

Có : 14 quạt điện

Bán : 6 quạt điện

Còn lại :... quạt điện ?

-Bán đi nghĩa là thế nào ?

-Nhận xét.

Hoạt động 4:Củng cố :

- Gọi 2 HS đọc bảng trừ 14 trừ đi một số.

-Nhận xét tiết học.

-Không cần vì khi đổi chỗ các số hạng thì tổng không đổi.

-Vì khi lấy tổng trừ đi số hạng này sẽ được số hạng kia .

-Làm tiếp phần b.

b, 14 – 4 – 2 = 8    14 – 4 – 5 = 5

14 – 6 = 8    14 – 9 = 5

-Ta có 4 + 2 = 6

-Có cùng kết quả là 8.

-Làm bài.

$$\begin{array}{r} 14 \\ - 6 \\ \hline 8 \end{array} \quad \begin{array}{r} 14 \\ - 9 \\ \hline 5 \end{array} \quad \begin{array}{r} 14 \\ - 7 \\ \hline 7 \end{array}$$

- Lấy số bị trừ trừ i số trừ.

-2em lên bảng. Lớp làm bài.

$$\text{a, } \begin{array}{r} 14 \\ - 5 \\ \hline 9 \end{array} \quad \text{b, } \begin{array}{r} 14 \\ - 7 \\ \hline 7 \end{array}$$

-1 em đọc đề

-Bán đi nghĩa là bớt đi.

Bài giải :

Số quạt điện còn lại là:

$$14 - 6 = 8 \text{ ( quạt điện)}$$

Đáp số : 8 quạt điện.

-2 em HTL.



<p>nhiều que ?</p> <p>-Để biết còn lại bao nhiêu que tính em phải làm gì ?</p> <p>-Viết bảng : <math>34 - 8</math>.</p> <p>b / <u>Tìm kết quả</u> .</p> <p>-Em thực hiện bớt như thế nào ?</p> <p>-Hướng dẫn cách bớt hợp lý.</p> <p>-Có bao nhiêu que tính tất cả ?</p> <p>-Đầu tiên bớt 4 que rời trước.</p> <p>-Chúng ta còn phải bớt bao nhiêu que nữa ? Vì sao?</p> <p>-Để bớt được 4 que tính nữa cô tháo 1 bó thành 10 que rời, bớt 4 que còn lại 6 que.</p> <p>-Vậy 34 que tính bớt 8 que tính còn mấy que tính ?</p> <p>-Vậy <math>34 - 8 = ?</math></p> <p>-Viết bảng : <math>34 - 8 = 26</math>.</p> <p>-Gọi vài em đọc : <math>34 - 8 = 26</math>.</p> <p>c/ <u>Đặt tính và tính</u> .</p> <p>Viết 34 rồi viết 8 xuống dưới thẳng cột với 4 (đơn vị). Viết dấu trừ và kẻ gạch ngang.</p> $\begin{array}{r} 34 \\ - 8 \\ \hline 26 \end{array}$ <p>-Trừ từ phải sang trái, 4 không trừ được 8, lấy 14 trừ 8 bằng 6, viết 6 nhớ 1, 3 trừ 1 bằng 2, viết 2.</p> <p>-Gọi nhiều em nhắc lại</p> <p><u>Hoạt động 3</u> : luyện tập.</p> <p><u>Bài 1</u>:</p> <p>-Nêu cách thực hiện phép tính ?</p> <p>-Gọi 2 em lên bảng. Lớp làm bài vào vở.</p>	<p>-34 que tính, bớt 8 que.</p> <p>-Thực hiện <math>34 - 8</math>.</p> <p>-Thao tác trên que tính. Lấy 34 que tính, bớt 8 que, suy nghĩ và trả lời, còn 26 que tính.</p> <p>-1 em trả lời.</p> <p>-Có 34 que tính (3 bó và 4 que rời)</p> <p>-Đầu tiên bớt 4 que tính rời.</p> <p>-Sau đó tháo 1 bó thành 10 que tính rời và bớt tiếp 4 que. Còn lại 2 bó và 6 que rời là 26 que.</p> <p>-HS có thể nêu cách bớt khác.</p> <p>-Còn 26 que tính.</p> <p>-<math>34 - 8 = 26</math></p> <p>-Vài em đọc : <math>34 - 8 = 26</math>.</p> <p>-Nhiều em nhắc lại.</p> <p>- Trừ từ phải sang trái</p>
--	---

<p>-Nhận xét.  <u>Bài 2</u> :          -Gọi em đọc đề.          -Bài toán thuộc dạng gì ?          GV hỏi kết hợp tất lên bảng  <u>Tóm tắt:</u>          Nhà Hà nuôi : 34 con          Nhà Ly nuôi ít hơn nhà Hà: 9 con          Nhà Ly nuôi :... con?</p> <p>-Nhận xét.  <u>Bài 4</u> : Yêu cầu gì ?          -Nêu cách tìm số hạng ?          -Muốn tìm số bị trừ em làm thế nào ?</p> <p>-Nhận xét.  <u>Hoạt động 3 :Củng cố</u> :          -Nhắc lại cách đặt tính và tính <math>34 - 8</math>.          -Nhận xét tiết học.</p>	<p>-2 em lên bảng. Lớp làm bài vào vở.</p> <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="text-align: center;"><math>\begin{array}{r} 94 \\ - 7 \\ \hline 87 \end{array}</math></td> <td style="text-align: center;"><math>\begin{array}{r} 64 \\ - 5 \\ \hline 59 \end{array}</math></td> <td style="text-align: center;"><math>\begin{array}{r} 44 \\ - 9 \\ \hline 35 \end{array}</math></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><math>\begin{array}{r} 72 \\ - 9 \\ \hline 63 \end{array}</math></td> <td style="text-align: center;"><math>\begin{array}{r} 53 \\ - 8 \\ \hline 45 \end{array}</math></td> <td style="text-align: center;"><math>\begin{array}{r} 74 \\ - 6 \\ \hline 68 \end{array}</math></td> </tr> </table> <p>-1 em đọc đề.          -Bài toán về ít hơn.</p> <p><u>Bài giải.</u>          Nhà Ly nuôi được số gà là:  <math>34 - 9 = 25</math> (con gà)  <u>Đáp số:</u> 25 con gà.</p> <p>-Tìm số hạng chưa biết, tìm số bị trừ.          -2 em nêu.  <math>a, x + 7 = 34</math>  <math>x = 34 - 7</math>  <math>x = 27</math>          - Các phép tính làm tương tự</p> <p>-1 em nêu.          -Học cách đặt tính và tính <math>34 - 8</math>.</p>	$\begin{array}{r} 94 \\ - 7 \\ \hline 87 \end{array}$	$\begin{array}{r} 64 \\ - 5 \\ \hline 59 \end{array}$	$\begin{array}{r} 44 \\ - 9 \\ \hline 35 \end{array}$	$\begin{array}{r} 72 \\ - 9 \\ \hline 63 \end{array}$	$\begin{array}{r} 53 \\ - 8 \\ \hline 45 \end{array}$	$\begin{array}{r} 74 \\ - 6 \\ \hline 68 \end{array}$
$\begin{array}{r} 94 \\ - 7 \\ \hline 87 \end{array}$	$\begin{array}{r} 64 \\ - 5 \\ \hline 59 \end{array}$	$\begin{array}{r} 44 \\ - 9 \\ \hline 35 \end{array}$					
$\begin{array}{r} 72 \\ - 9 \\ \hline 63 \end{array}$	$\begin{array}{r} 53 \\ - 8 \\ \hline 45 \end{array}$	$\begin{array}{r} 74 \\ - 6 \\ \hline 68 \end{array}$					

## Tiết 63 : 54 - 18

### I/ MỤC TIÊU :

1. Kiến thức : Giúp học sinh :

- Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng  $54 - 18$ .
- Biết giải bài toán về ít hơn với các số có kèm đơn vị đo dm.
- Biết vẽ hình tam giác cho sẵn 3 đỉnh.

2. Kỹ năng : Rèn kỹ năng đặt tính nhanh, giải toán đúng.

3. Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

### II/ CHUẨN BỊ :

1. Giáo viên : 5 bó 1 chục que tính và 4 que tính rời.

2. Học sinh : Mỗi em 5 bó 1 chục que tính và 4 que tính rời. Sách, vở , nháp.

### III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<u>Hoạt động 1: KT bài cũ:</u> -Gọi 2 HS lên bảng đặt tính và tính : $74 - 6$ $44 - 5$ -Nêu cách đặt tính và tính. -Nhận xét. *Giới thiệu bài.	-2 em lên bảng làm. -Lớp làm bảng con.
<u>Hoạt động 2 : Phép trừ 54 - 18</u> <u>a/ Nêu vấn đề:</u> - <u>Bài toán:</u> Có 54 que tính, bớt đi 18 que tính. Hỏi còn lại bao nhiêu que tính? -Có bao nhiêu que tính ? bớt đi bao nhiêu que ? -Để biết còn lại bao nhiêu que tính em phải làm gì ? -Viết bảng : $54 - 18$	-54 - 18  -Nghe và phân tích.  -54 que tính, bớt 18 que.  -Thực hiện $54 - 18$

b / Tìm kết quả .

- Em thực hiện bớt như thế nào ?
- Hướng dẫn cách bớt hợp lý.
- Có 54 que tính (5 bó và 4 que rời)
- Đầu tiên bớt 4 que tính rời.
- Sau đó tháo 1 bó thành 10 que tính rời và bớt tiếp 4 que.
- 4 bó bớt tiếp 1 bó còn lại 3 bó và 6 que rời là 36 que
- Vậy 54 que tính bớt 18 que tính còn mấy que tính ?
- Vậy  $54 - 18 = ?$
- Viết bảng :  $54 - 18 = 36$

c/ Đặt tính và thực hiện .

- Viết 54 rồi viết 18 ở dưới sao cho 8 thẳng cột với 4, 1 thẳng cột với 5, viết dấu – và kẻ gạch ngang.

$$\begin{array}{r} 54 \\ - 18 \\ \hline 36 \end{array}$$

- Trừ từ phải sang trái, 4 không trừ được 8, lấy 14 trừ 8 bằng 6, viết 6 nhớ 1, 1 thêm 1 bằng 2, 5 trừ 2 bằng 3, viết 3.

Hoạt động 3: Luyện tập.

Bài 1: -Nêu cách thực hiện phép tính

- Nhận xét

Bài 2: -Gọi 1 em đọc đề.

- Muốn tìm hiệu em làm như thế nào ?

- Gọi 2 em lên bảng. Lớp làm bài vào vở.

- Thao tác trên que tính. Lấy 54 que tính, bớt 18 que, suy nghĩ và trả lời, còn 36 que tính.

- 1 em trả lời.

- Còn 36 que tính.

$$-54 - 18 = 36$$

- Nhiều em nhắc lại.

- Trừ từ phải sang trái.

- HS lên bảng. Lớp làm bài vào vở.

$$\begin{array}{r} 74 \quad 24 \quad 84 \quad 64 \quad 44 \\ - 26 \quad - 17 \quad - 39 \quad - 15 \quad - 28 \\ \hline 48 \quad 7 \quad 45 \quad 49 \quad 16 \end{array}$$

- 1 em đọc đề.

- Lấy số bị trừ trừ đi số trừ.

- 2 em lên bảng. Lớp làm bài vào vở.

-Nhận xét.

Bài 3 :-Gọi 1 HS đọc đề.

- GV hỏi kết hợp tóm tắt lên bảng :

Xanh : 34 dm

Tím ngắn hơn xanh : 15 dm

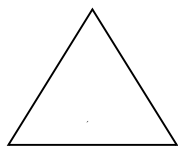
Tím : ...dm ?

-Bài toán thuộc dạng gì ?

-Vì sao em biết ?

-Nhận xét.

Bài 4 : GV vẽ hình lên bảng.



-Mẫu vẽ hình gì ?

-Muốn vẽ hình tam giác ta nối mấy điểm với nhau ?

-Nhận xét.

Hoạt động 4: Củng cố :

- YC HS nhắc lại cách đặt tính và tính  $54 - 18$  ?

-Nhận xét tiết học.

$$\begin{array}{r} \text{a,} \quad 74 \\ - \quad 47 \\ \hline 27 \end{array} \quad \begin{array}{r} \text{b,} \quad 64 \\ - \quad 28 \\ \hline 36 \end{array}$$

-Đọc đề.

-Bài toán về ít hơn.

-Ngắn hơn là ít hơn.

Bài giải.

*Mảnh vải tím dài :*

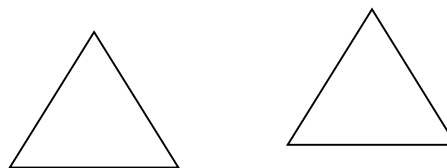
$$34 - 15 = 19 \text{ (dm)}$$

Đáp số : 19 dm.

-Hình tam giác.

-Nối 3 điểm với nhau.

-Thực hành vẽ.



- 2 HS nhắc lại



## Tiết 64 : Luyện tập

### I/ MỤC TIÊU :

#### 1. Kiến thức :

- Thuộc bảng 14 trừ đi một số.
- Thực hiện được phép trừ dạng  $54 - 18$ .
- Tìm số bị trừ hoặc tìm số hạng chưa biết.
- Biết giải bài toán có một phép trừ dạng  $54 - 18$ .

#### 2. Kĩ năng : Rèn kĩ năng đặt tính nhanh, giải toán đúng.

#### 3. Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

### II/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<p><u>Hoạt động 1</u> : Luyện tập.</p> <p><u>Bài 1</u>: Yêu cầu HS tính nhẩm và ghi kết quả.</p> <p>-Gọi 2 em HTL các công thức 14 trừ đi 1 số.</p> <p>- Nhận xét</p> <p><u>Bài 2</u>:</p> <p>-Yêu cầu gì ?</p> <p>-Khi đặt tính phải chú ý gì ?</p> <p>-Thực hiện phép tính như thế nào ?</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><u>Bài 3</u>:</p>	<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: left;"> <p>- <math>14-5=8</math></p> <p><math>14-6=8</math></p> <p><math>14-9=5</math></p> </div> <div style="text-align: left;"> <p><math>14-7=7</math></p> <p><math>14-8=6</math></p> <p><math>13-9=4</math></p> </div> </div> <p>-2 em HTL.</p> <p>-Đặt tính rồi tính.</p> <p>-Viết số sao cho đơn vị thẳng cột với đơn vị, chục thẳng cột với chục.</p> <p>-Tính từ phải sang trái.</p> <p>-2 em lên bảng. Lớp làm bài vào vở.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: left;"> <p>a,</p> <math display="block">\begin{array}{r} 84 \\ - 47 \\ \hline 37 \end{array}</math> </div> <div style="text-align: left;"> <p><math>74</math></p> <math display="block">\begin{array}{r} - 49 \\ \hline 25 \end{array}</math> </div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: left;"> <p>b,</p> <math display="block">\begin{array}{r} 62 \\ - 28 \\ \hline 34 \end{array}</math> </div> <div style="text-align: left;"> <p><math>60</math></p> <math display="block">\begin{array}{r} - 12 \\ \hline 48 \end{array}</math> </div> </div>

<p>-Muốn tìm số bị trừ em làm thế nào ?</p> <p>-Gọi 1 em lên bảng làm. Lớp làm vở</p> <p>- Nhận xét.</p> <p><u>Bài 4</u>: Gọi 1 em đọc đề.</p> <p>-Bài toán cho biết gì ?</p> <p>-Bài toán hỏi gì ?</p> <p style="padding-left: 40px;"><u>Tóm tắt.</u></p> <p style="padding-left: 40px;">Ô tô và máy bay : 84 chiếc</p> <p style="padding-left: 40px;">Ô tô : 45 chiếc</p> <p style="padding-left: 40px;">Máy bay : ... chiếc?</p> <p>-Gọi 1 em lên bảng làm.</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><u>Hoạt động 2:Củng cố:</u></p> <p>- Muốn tìm số hạng trong một tổng em làm thế nào ?</p> <p>-Muốn tìm số bị trừ ?</p> <p>-Nhận xét tiết học.-Tuyên dương, nhắc nhở.</p>	<p>-Lấy hiệu cộng với số trừ.</p> <p>-1 em lên bảng làm. Lớp làm vở.</p> <p>a)<math>x-24=34</math></p> <p style="padding-left: 40px;"><math>x=34+24</math></p> <p style="padding-left: 40px;"><math>x=58</math></p> <p>-Các phép tính còn lại làm tương tự</p> <p>-1 em đọc đề .</p> <p>-Có 84 ô tô &amp; máy bay, trong đó có 45 ô tô.</p> <p>-Hỏi có bao nhiêu máy bay.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải.</u></p> <p style="padding-left: 40px;">Cửa hàng có số máy bay là:</p> <p style="padding-left: 40px;"><math>84 - 45 = 39</math> (chiếc)</p> <p style="padding-left: 40px;"><u>Đáp số</u> : 39 chiếc.</p> <p>-Lấy tổng trừ đi số hạng đã biết.</p> <p>-Lấy hiệu cộng với số trừ.</p>
--	--

## Tiết 65: 15, 16, 17, 18 trừ đi một số

### I/ MỤC TIÊU :

#### 1. Kiến thức :

- Biết cách thực hiện các phép trừ để lập các bảng trừ : 15, 16, 17, 18 trừ đi một số.

2. Kĩ năng : Rèn thuộc nhanh bảng trừ.

3. Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

### II/ CHUẨN BỊ :

1. Giáo viên : 18 que tính.

2. Học sinh : Mỗi em 18 que tính, Sách toán, vở , bảng con, nháp.

### III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<u>Hoạt động 1:KT bài cũ :</u> Ghi : 34 - 18      53 - 5      83 - 25  -Nhận xét.	-3 em lên bảng đặt tính và tính. -Cả lớp làm bảng con.
<u>Hoạt động 2 :15 trừ đi một số.</u> <u>Bước 1:</u> 15 - 6 <u>-Nêu bài toán</u> : Có 15 que tính bớt đi 6 que tính. Hỏi còn lại bao nhiêu que tính ? <u>-Làm thế nào để tính được số que tính còn lại ?</u> <u>-YC cả lớp thao tác trên que tính.</u> <u>- 15 que tính bớt 6 que tính còn lại bao nhiêu que tính ?</u> <u>-Vậy <math>15 - 6 = ?</math></u>	-Nghe và phân tích.  <u>-Thực hiện : 15 - 6</u>  <u>-Cả lớp thao tác trên que tính.</u> <u>-Còn 6 que tính.</u>  <u>-<math>15 - 6 = 9</math></u>

<p>-Viết bảng : <math>15 - 6 = 9</math></p> <p><u>Bước 2:</u></p> <p>-Hãy cho biết 15 que tính bớt 7 que tính còn mấy que tính ?</p> <p>-Vậy <math>15 - 7 = ?</math></p> <p>-Viết bảng <math>15 - 7 = 8</math></p> <p>-Thực hiện với que tính để tìm kết quả: <math>15 - 8, 15 - 9</math></p> <p>-Cho HS đọc bảng công thức :Đồng thanh, cá nhân.</p> <p><u>Hoạt động 3 : 16 trừ đi một số.</u></p> <p>-<u>Nêu</u> : Có 16 que tính bớt đi 9 que tính. Hỏi còn lại bao nhiêu que tính ?</p> <p>- 16 bớt 9 bằng mấy ?</p> <p>-Vậy <math>16 - 9 = ?</math></p> <p>-Em tìm kết quả của <math>16 - 8, 16 - 7 ?</math></p> <p>-Cho HS đọc bảng công thức :Đồng thanh, cá nhân.</p> <p><u>Hoạt động 4: 17, 18 trừ đi một số.</u></p> <p>-Tìm kết quả của <math>17 - 8, 17 - 9, 18 - 9.</math></p> <p>-Gọi 1 em điền kết quả trên bảng công thức.</p> <p>-Cho HS đọc bảng công thức :Đồng thanh, cá nhân.</p> <p><u>Hoạt động 5: Luyện tập.</u></p> <p><u>Bài 1:</u> Nhớ lại bảng trừ và ghi ngay kết quả sau dấu bằng.</p>	<p>-Cả lớp thao tác trên que tính tiếp và nêu : 15 que tính bớt 7 que tính còn 8 que tính.</p> <p style="padding-left: 40px;"><math>15 - 7 = 8</math></p> <p style="padding-left: 40px;"><math>15 - 8 = 7</math></p> <p style="padding-left: 40px;"><math>15 - 9 = 6</math></p> <p>-Đọc bảng công thức .</p> <p>-Thao tác trên que và trả lời: còn lại 7 que tính.</p> <p>-16 bớt 9 còn 7</p> <p style="padding-left: 40px;"><math>16 - 9 = 7</math></p> <p style="padding-left: 40px;"><math>16 - 8 = 8</math></p> <p style="padding-left: 40px;"><math>16 - 7 = 9</math></p> <p>-Đọc bài, đồng thanh, cá nhân</p> <p>-Thảo luận theo cặp sử dụng que để tìm kết quả.</p> <p>-1 em lên bảng điền kết quả.</p> <p style="padding-left: 40px;"><math>17 - 8 = 9</math></p> <p style="padding-left: 40px;"><math>17 - 9 = 8</math></p> <p style="padding-left: 40px;"><math>18 - 9 = 9</math></p> <p>-Nhận xét, đọc lại bảng công thức.</p> <p>-3 em lên bảng. Lớp làm bài vào vở.</p> <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="text-align: center;"><math>\begin{array}{r} 15 \\ - 8 \\ \hline 7 \end{array}</math></td> <td style="text-align: center;"><math>\begin{array}{r} 15 \\ - 9 \\ \hline 6 \end{array}</math></td> <td style="text-align: center;"><math>\begin{array}{r} 15 \\ - 7 \\ \hline 8 \end{array}</math></td> <td style="text-align: center;"><math>\begin{array}{r} 15 \\ - 6 \\ \hline 9 \end{array}</math></td> <td style="text-align: center;"><math>\begin{array}{r} 15 \\ - 5 \\ \hline 10 \end{array}</math></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><math>\begin{array}{r} 16 \\ - 9 \\ \hline 7 \end{array}</math></td> <td style="text-align: center;"><math>\begin{array}{r} 16 \\ - 7 \\ \hline 9 \end{array}</math></td> <td style="text-align: center;"><math>\begin{array}{r} 16 \\ - 8 \\ \hline 8 \end{array}</math></td> <td style="text-align: center;"><math>\begin{array}{r} 17 \\ - 8 \\ \hline 9 \end{array}</math></td> <td style="text-align: center;"><math>\begin{array}{r} 17 \\ - 9 \\ \hline 8 \end{array}</math></td> </tr> </table>	$\begin{array}{r} 15 \\ - 8 \\ \hline 7 \end{array}$	$\begin{array}{r} 15 \\ - 9 \\ \hline 6 \end{array}$	$\begin{array}{r} 15 \\ - 7 \\ \hline 8 \end{array}$	$\begin{array}{r} 15 \\ - 6 \\ \hline 9 \end{array}$	$\begin{array}{r} 15 \\ - 5 \\ \hline 10 \end{array}$	$\begin{array}{r} 16 \\ - 9 \\ \hline 7 \end{array}$	$\begin{array}{r} 16 \\ - 7 \\ \hline 9 \end{array}$	$\begin{array}{r} 16 \\ - 8 \\ \hline 8 \end{array}$	$\begin{array}{r} 17 \\ - 8 \\ \hline 9 \end{array}$	$\begin{array}{r} 17 \\ - 9 \\ \hline 8 \end{array}$
$\begin{array}{r} 15 \\ - 8 \\ \hline 7 \end{array}$	$\begin{array}{r} 15 \\ - 9 \\ \hline 6 \end{array}$	$\begin{array}{r} 15 \\ - 7 \\ \hline 8 \end{array}$	$\begin{array}{r} 15 \\ - 6 \\ \hline 9 \end{array}$	$\begin{array}{r} 15 \\ - 5 \\ \hline 10 \end{array}$							
$\begin{array}{r} 16 \\ - 9 \\ \hline 7 \end{array}$	$\begin{array}{r} 16 \\ - 7 \\ \hline 9 \end{array}$	$\begin{array}{r} 16 \\ - 8 \\ \hline 8 \end{array}$	$\begin{array}{r} 17 \\ - 8 \\ \hline 9 \end{array}$	$\begin{array}{r} 17 \\ - 9 \\ \hline 8 \end{array}$							

<p>-Khi biết <math>15 - 8 = 7</math>, muốn tính <math>15 - 9</math> ta làm ntn ?</p> <p>-Nhận xét.  <b>Bài 2.</b>  Mỗi số 7,8,9, là kết quả của phép tính nào ?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv hướng dẫn</li> <li>- Gọi HS lên bảng làm bài</li> </ul> <p>- Nhận xét</p> <p><b>Hoạt động 6: Củng cố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Gọi 2 HS đọc bảng công thức 15, 16, 17, 18 trừ đi một số.</li> <li>-Nhận xét tiết học.-Tuyên dương, nhắc nhở.</li> <li>-Dặn dò: HTL bảng trừ .</li> </ul>	<table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="padding: 0 10px;">7</td> <td style="padding: 0 10px;">9</td> <td style="padding: 0 10px;">8</td> <td style="padding: 0 10px;">9</td> <td style="padding: 0 10px;">8</td> </tr> <tr> <td style="padding: 0 10px;">-</td> <td style="padding: 0 10px;">18</td> <td style="padding: 0 10px;">-</td> <td style="padding: 0 10px;">13</td> <td style="padding: 0 10px;">-</td> <td style="padding: 0 10px;">12</td> <td style="padding: 0 10px;">-</td> <td style="padding: 0 10px;">14</td> <td style="padding: 0 10px;">-</td> <td style="padding: 0 10px;">20</td> </tr> <tr> <td style="padding: 0 10px;"></td> <td style="padding: 0 10px;"><u>9</u></td> <td style="padding: 0 10px;"></td> <td style="padding: 0 10px;"><u>7</u></td> <td style="padding: 0 10px;"></td> <td style="padding: 0 10px;"><u>8</u></td> <td style="padding: 0 10px;"></td> <td style="padding: 0 10px;"><u>6</u></td> <td style="padding: 0 10px;"></td> <td style="padding: 0 10px;"><u>8</u></td> </tr> <tr> <td style="padding: 0 10px;"></td> <td style="padding: 0 10px;">9</td> <td style="padding: 0 10px;"></td> <td style="padding: 0 10px;">6</td> <td style="padding: 0 10px;"></td> <td style="padding: 0 10px;">4</td> <td style="padding: 0 10px;"></td> <td style="padding: 0 10px;">8</td> <td style="padding: 0 10px;"></td> <td style="padding: 0 10px;">12</td> </tr> </table> <p>-Vì <math>8 + 1 = 9</math> nên <math>15 - 9</math> chính là <math>15 - 8 - 1</math> hay <math>7 - 1</math>.</p> <p>-Nhiều em tập giải thích các bài khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc đề bài</li> <li>- Lắng nghe</li> <li>- HS làm bài</li> </ul> <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="padding: 0 10px;"><math>15 - 6 = 9</math></td> <td style="padding: 0 10px;"><math>17 - 8 = 9</math></td> </tr> <tr> <td style="padding: 0 10px;"><math>15 - 8 = 7</math></td> <td style="padding: 0 10px;"><math>18 - 9 = 9</math></td> </tr> <tr> <td style="padding: 0 10px;"><math>15 - 7 = 8</math></td> <td style="padding: 0 10px;"><math>16 - 9 = 7</math></td> </tr> <tr> <td style="padding: 0 10px;"><math>17 - 9 = 8</math></td> <td style="padding: 0 10px;"><math>16 - 8 = 8</math></td> </tr> </table> <p>-Đọc bảng công thức 15, 16, 17, 18 trừ đi một số.</p>	7	9	8	9	8	-	18	-	13	-	12	-	14	-	20		<u>9</u>		<u>7</u>		<u>8</u>		<u>6</u>		<u>8</u>		9		6		4		8		12	$15 - 6 = 9$	$17 - 8 = 9$	$15 - 8 = 7$	$18 - 9 = 9$	$15 - 7 = 8$	$16 - 9 = 7$	$17 - 9 = 8$	$16 - 8 = 8$
7	9	8	9	8																																								
-	18	-	13	-	12	-	14	-	20																																			
	<u>9</u>		<u>7</u>		<u>8</u>		<u>6</u>		<u>8</u>																																			
	9		6		4		8		12																																			
$15 - 6 = 9$	$17 - 8 = 9$																																											
$15 - 8 = 7$	$18 - 9 = 9$																																											
$15 - 7 = 8$	$16 - 9 = 7$																																											
$17 - 9 = 8$	$16 - 8 = 8$																																											

## TUẦN 14

### Tiết 66: $55 - 8$ ; $56 - 7$ ; $37 - 8$ ; $68 - 9$

#### I-MỤC TIÊU

- 1.Kiến thức:-Biết thực hiện phép tính trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng  $55 - 8$ ;  $56 - 7$ ;  $37 - 8$ ;  $68 - 9$ .  
- Biết tìm số hạng chưa biết của một tổng.
- 2.Kĩ năng : Rèn thuộc nhanh bảng trừ.
- 3.Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

#### II- CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
<b>Hoạt động 1: KT bài cũ:</b> - Gọi 3 HS lần lượt ĐTL các công thức 15,16,17,18 trừ đi một số -Gọi hs lên bảng đặt tính rồi tính: $15 - 6$ ; $17 - 9$  -Nhận xét . <b>*Giới thiệu bài:</b> Hôm nay các em	-3 hs lên bảng thực hiện ,  -2 hs lên bảng thực hiện , cả lớp làm vào bảng con. -Nhận xét bạn làm trên bảng.  -Lắng nghe , nhắc lại tựa bài.

tiếp tục thực hiện phép trừ các số có hai chữ số trừ đi số có một chữ số.

### Hoạt động 2:

#### a/ Phép trừ 55 – 8 .

- Nêu vấn đề: Có 55 que tính, bớt đi 8 que tính. Hỏi còn lại bao nhiêu que tính?

-Để biết còn lại bao nhiêu que tính ta làm thế nào ?

-Giáo viên viết bảng :  $55 - 8 = ?$

-HD HS cách đặt tính và tính:

$$\begin{array}{r} 55 \\ - 8 \\ \hline 47 \end{array}$$

-Viết 55 rồi viết 8 xuống dưới, sao cho 8 thẳng cột với 5 (đơn vị). Viết dấu – và kẻ gạch ngang.

-Bắt đầu tính từ hàng đơn vị (từ phải

sang trái) 5 không trừ được 8, lấy 15 trừ- 8 bằng 7 viết 7 nhớ 1, 5 trừ 1 bằng 4 viết 4.

-Vậy  $55 - 8 = ?$

Viết bảng :  $55 - 8 = 47$ .

#### **b/ Phép tính : 56 – 7, 37 – 8, 68 – 9.**

-Nêu vấn đề :

-HD HS cách đặt tính và tính:

$$\begin{array}{r} 56 \\ - 7 \\ \hline 49 \end{array}$$

-Viết 56 rồi viết 7 xuống dưới, sao cho 7 thẳng cột với 6 (đơn vị). Viết dấu – và kẻ gạch ngang.

-Bắt đầu tính từ hàng đơn vị (từ

-Nghe và phân tích đề toán.

-1 em nhắc lại bài toán.

-Thực hiện phép trừ 55 - 8

-Vậy :  $55 - 8 = 47$ .

-Nhiều em nhắc lại cách đặt tính và tính.

- Nghe và phân tích đề toán.

-1 em nhắc lại bài toán.

-Thực hiện phép trừ 56 - 7

